TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 01 - 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Quốc Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 300/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 292/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Bích T, sinh năm 1996; địa chỉ cư trú: Ấp TH, xã TMT, huyện CP, tỉnh AG (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Phan Ngọc L, sinh năm 1994; địa chỉ cư trú: Ấp LH, xã ÔLV, huyện CP, tỉnh AG (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/02/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thị Bích T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị T và anh L tự nguyện tiến tới hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ÔLV, huyện CP, tỉnh AG ngày 25/7/2016. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc, nhưng dần về sau thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng

thường xuyên cãi vả, do anh L thường xuyên nhậu về đánh chị T, không quan tâm đến vợ con, nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 9/2020 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống lâu dài với nhau được nữa nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh L.

- Về con chung: Chị T và anh L có 03 con chung tên Phan Thị Ngọc V, sinh ngày 20/4/2013; Phan Ngọc Kim Ng, sinh ngày 07/11/2015 và Phan Ngọc An V1, sinh ngày 26/7/2020. Hiện cháu V và cháu Ng đang chung sống với anh L; cháu V1 đang chung sống với chị T. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V1, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con; đồng ý giao cháu V và cháu Ng cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng khác nhưng bị đơn anh Phan Ngọc L vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến về vụ án.

Tại phiên tòa,

Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, trong đó chị T giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã nêu trên.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận cho chị T ly hôn với anh L.

- Về con chung: Đề nghị giao 02 con chung tên Phan Thị Ngọc V, sinh ngày 20/4/2013 và Phan Ngọc Kim Ng, sinh ngày 07/11/2015 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung tên Phan Ngọc An V1, sinh ngày 26/7/2020 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Các đương sự đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự về việc ly hôn, bị đơn cư trú tại huyện CP, tỉnh AG nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do, nên Hội

đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Chị T và anh L tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ÔLV, huyện CP, tỉnh AG ngày 25/7/2016, nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L được pháp luật công nhận kể từ ngày đăng ký kết hôn; làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, chị T và anh L có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đời sống chung không hòa hợp nên đã sống ly thân nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để ghi nhận ý kiến, động viên vợ chồng đoàn tụ nhưng chị T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và anh L vắng mặt nên việc hòa giải đoàn tụ không thành; cho đến nay vợ chồng vẫn không thể tự hàn gắn tình cảm.

[2.2] Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; có nghĩa vụ sống chung với nhau. Tuy nhiên, giữa chị T và anh L đã không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T ly hôn với anh L theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị T và anh L có 03 con chung tên Phan Thị Ngọc V, sinh ngày 20/4/2013; Phan Ngọc Kim Ng, sinh ngày 07/11/2015 và Phan Ngọc An V1, sinh ngày 26/7/2020. Xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, cháu V và cháu Ng đang chung sống với anh L; cháu V1 đang chung sống với chị T. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V1; đồng ý giao cháu V và cháu Ng cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Quá xác minh, phía gia đình anh L có nguyện vọng tiếp tục cháu V và cháu Ng; cháu V cũng có nguyện vọng chung sống với anh L. Mặc dù anh L không có ý kiến về việc nuôi con, nhưng qua xem xét thực tế, để tạo điều kiện cho các con được ổn định về tâm lý, chỗ ở và học tập, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung tên Phan Thị Ngọc V và Phan Ngọc Kim Ng cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung tên Phan Ngọc An V1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng cho con: Chị T và anh L đều không yêu cầu cấp dưỡng cho các con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp các bên có yêu cầu cấp dưỡng cho các con sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét; trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp. Anh L không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phạm Thị Bích T ly hôn với anh Phan Ngọc L.

2. Về con chung:

- Anh Phan Ngọc L được trực tiếp nuôi dưỡng 02 (Hai) con chung tên Phan Thị Ngọc V, sinh ngày 20 tháng 4 năm 2013 và Phan Ngọc Kim Ng, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2015.

- Chị Phạm Thị Bích T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phan Ngọc An V1, sinh ngày 26 tháng 7 năm 2020.

- Chị Phạm Thị Bích T và anh Phan Ngọc L đều không yêu cầu cấp dưỡng cho các con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Chị Phạm Thị Bích T và anh Phan Ngọc L đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị T cùng các thành viên gia đình của chị T, không được cản trở anh L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đối với cháu An V1. Anh L cùng các thành viên gia đình của anh L, không được cản trở chị T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đối với cháu V và cháu Ng. Trường hợp chị T và anh L lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của nhau thì chị T và anh L đều có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của nhau.

- Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Bích T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0003266 ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP, tỉnh AG.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Bích T và anh Phan Ngọc L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- CCTHADS huyện Châu Phú;
- UBND xã ÔLV
(khi có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Tuấn **Nguyễn Thị Kim Thanh** **Nguyễn Duy Linh**